

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HS-ST
Ngày: 24-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông La Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Tuấn M (tên thường gọi khác: M Bùm), sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi sinh sống: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Võ Tổ N; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2013/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt tù Phạm Tuấn M 07 năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 08 tháng 6 năm 2020, đến ngày 09 tháng 6 năm 2020 tạm giữ, đến ngày 18 tháng 06 năm 2020 tạm giam, có mặt.

2. Lâm Thị Thúy V (tên thường gọi khác: Su), sinh năm 1993 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi sinh sống: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Chiến H và bà Nguyễn Thị H; có 02

con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt, tạm giữ ngày 09 tháng 6 năm 2020, đến ngày 18 tháng 06 năm 2020 tạm giam, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Bùi Đăng T, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Anh Trần Minh H (tên thường gọi khác: T Đen), sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2002; hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: số nhà 158, tổ 8, ấp A, xã Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

4. Anh Phan Minh Nh (tên thường gọi khác: Đen), sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt

5. Anh Lê Văn Th, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: thôn 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Đức Phú H, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

7. Anh Lê Thanh H (tên thường gọi khác: H Lực), sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

8. Anh Ngô Quốc Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Văn T (tên thường gọi khác: L), sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Phạm Tuấn M và Lâm Thị Thúy V chung sống như vợ chồng từ năm 2018 tại phòng số 5, Nhà trọ tên V, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Vào hồi 23 giờ 55 phút ngày 08 tháng 6 năm 2020, Công an xã T kiểm tra hành chính nhà anh Bùi Đăng T tại ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Lúc này, M, V, anh Trần Minh H và anh Nguyễn Ngọc T đang ngồi ở phía sau nhà, T chạy thoát. Lực lượng Công an phát hiện 01 túi vải màu nâu mặt gấu có khóa kéo, bên trong có 01 gói nylon hàn kín chứa chất màu trắng dạng tinh thể dưới góc cây cao su cách vị trí M đang ngồi 01m. M khai nhận chất màu trắng dạng tinh thể là ma túy đá của M nên lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang

đổi với M và thu giữ các tang vật. Vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng xử lý theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, M, V, anh H và anh Ngọc T khai: M, V, anh H, anh Ngọc T và anh T có quen biết nhau. Khoảng 16 giờ ngày 08 tháng 6 năm 2020, M điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển số 61K1-111.91 đến khu vực Đồi 2/9, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Dương mua 01 gói nylon hàn kín chứa ma túy đá với giá 500.000 đồng của người đàn ông tên Quân (không rõ lai lịch). Sau đó, M cất giấu số ma túy mua được vào túi vải màu nâu mặt gấu (có khóa kéo) rồi bỏ vào túi quần bên phải. M điều khiển xe mô tô 61K1-111.91 đến nhà anh T. M nói anh T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra để M, V, anh H, anh Ngọc T và anh T sử dụng ma túy. Anh T đồng ý. M lấy một ít ma túy đá ra sử dụng chung với V, anh H, anh Ngọc T và anh T rồi hàn kín số ma túy đá còn lại cất giấu vào túi vải màu nâu mặt gấu (có khóa kéo) rồi bỏ lại vào túi quần bên phải. Đến khoảng 23 giờ 55 phút cùng ngày, lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, bắt quả tang nên M ném túi vải màu nâu mặt gấu bên trong có 01 gói nylon hàn kín chứa ma túy đá dưới gốc cây cao su cách vị trí M đang ngồi 01m. M khai nhận, từ khoảng tháng 12 năm 2019 đến ngày 08 tháng 6 năm 2020, M mua ma túy đá của người đàn ông tên Queo (không rõ lai lịch) ở khu vực cầu vượt Quang Trung, Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sử dụng và phân ra bán cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn huyện B, cụ thể:

- M bán cho anh Phan Minh Nh khoảng 10 lần, mỗi lần bán 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng, địa điểm mua bán tại phòng trọ của Minh và Vân, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- M bán cho anh Lê Văn Th khoảng 10 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá từ 300.000 đồng đến 1.700.000 đồng, địa điểm mua bán tại Khu Công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- M bán cho H khoảng 04 lần đến 05 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 700.000 đồng, địa điểm mua bán tại khu vực Điện lực huyện B và tại phòng trọ của M và V, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- M bán cho anh Nguyễn Đức Phú H khoảng 03 lần đến 04 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, địa điểm mua bán tại khu vực Điện lực huyện B và chợ B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- M bán cho đối tượng tên Khánh (không rõ lai lịch) khoảng 03 lần đến 04 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng, địa điểm mua bán tại Khu Công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- M bán cho đối tượng tên Mạnh (không rõ lai lịch) khoảng 05 lần đến 06 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng, địa điểm mua bán tại Khu Công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

M cất giấu ma túy để sử dụng và bán lại cho đối tượng nghiện ma túy kiếm lời, tổng số tiền thu lợi là 6.000.000 đồng. Số tiền thu lợi M và V tiêu xài hết (*bút lục số 150-181*).

Quá trình mua bán ma túy, V đã giúp M bán ma túy đá cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn huyện B, cụ thể:

- Bán cho anh H khoảng 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, địa điểm mua bán tại phòng trọ của M và V, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bán cho anh Th khoảng 04 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng, địa điểm mua bán tại phòng trọ của M và V, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bán cho anh Lê Thanh H khoảng 03 lần đến 04 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, địa điểm mua bán tại Khu Công nghiệp B và phòng trọ của M và V, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bán cho anh Nh khoảng 04 lần, mỗi lần bán 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 600.000 đồng, địa điểm mua bán tại phòng trọ của M và V, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo M và bị cáo V cũng đã thừa nhận sự việc phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Ngọc T không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T, anh H, anh Nh, anh Th, anh H, anh H, anh Đ và anh Văn T vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, những người tham gia tố tụng này không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo M và bị cáo V đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 08 tháng 6 năm 2020, Công an huyện Bàu Bàng đã thu giữ của bị cáo M: 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (M khai nhận là ma túy đá), 01 túi vải màu nâu mặt gấu (có khóa kéo), 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen 1203 có gắn sim số 0789.704.704, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu hồng gắn sim số 0933.567.197 và 01 xe mô tô hiệu Sirius màu trắng biển số 61K1-111.91, số khung: JY184067, số máy: E3X9E-426114.

Theo Biên bản khám xét ngày 09 tháng 6 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã thu giữ tại phòng trọ của bị cáo M và bị cáo V: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm bình, ống hút, ống thủy tinh).

Theo Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 09 tháng 6 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã thu giữ của bị cáo V: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1174 màu hồng xanh có gắn sim số 0944.003.114.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 104, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định thành phần và trọng lượng chất tinh thể màu trắng đã thu giữ của bị cáo M.

Theo Kết luận giám định số 345/MT-PC09 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3811 gam, loại Methamphetamine. Mẫu vật sau giám định được niêm phong, khối lượng: 0,3326 gam.

Về xử lý vật chứng:

Đối với khối lượng ma túy loại Methamphetamine sau giám định được niêm phong, khối lượng: 0,3326 gam, 01 túi vải màu nâu mặt gấu (có khóa kéo) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm bình, ống hút, ống thủy tinh) là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy.

Đối với các vật chứng gồm 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng biển số 61K1-111.91, số khung: JY184067, số máy: E3X9E-426114 do bị cáo M mua chưa sang tên chủ sở hữu (riêng biển số xe 61K1-111.91, quá trình điều tra làm rõ không liên quan đến xe mô tô Winner hiệu Honda màu trắng đen cũng có biển số 61K1-111.91, đứng tên chủ xe là anh Ngô Quốc Đ, anh Đ đã bán lại xe mô tô Winner cho anh Nguyễn Văn T, hiện anh T vẫn quản lý, sử dụng xe mô tô cùng biển số 61K1-111.91), 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen 1203 có gắn sim số 0789.704.704 và 01 điện thoại di động Iphone 6 màu hồng gắn sim số 0933.567.197 của bị cáo M; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1174 màu hồng xanh có gắn sim số 0944.003.114 của bị cáo V là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, bị cáo M và bị cáo V đã sử dụng hết, tại phiên tòa, bị cáo M trình bày cá nhân bị cáo M chịu trách nhiệm nộp lại số tiền này sung vào ngân sách nhà nước mình; vì vậy cần buộc bị cáo M phải nộp sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.000.000 đồng.

Đối với hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T, anh H, anh Ngọc T, anh Nh, anh Th, anh H và anh H, Công an huyện Bàu Bàng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Các đối tượng tên Quân, Quẹo, Khánh và Mạnh, khi nào làm rõ nhân thân lý lịch cụ thể sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo M, bị cáo V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Ngọc T không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T, anh H, anh Nh, anh Th, anh H, anh H, anh Đ và anh Văn T vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra,

truy tố, những người tham gia tố tụng này không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Tuấn M về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, điểm c và điểm q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lâm Thị Thúy V về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b và điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

Áp dụng điểm b, điểm c và điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tù bị cáo M từ 09 năm đến 10 năm.

Áp dụng điểm b và điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tù bị cáo V từ 07 năm đến 08 năm.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: như trên.

Tại phiên tòa, bị cáo M, bị cáo V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Ngọc T không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo M: trong thời gian tạm giam, bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được đoàn tụ với gia đình, làm người tốt.

Bị cáo V: bị cáo biết sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo về lo cho hai con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T, anh H, anh Nh, anh Th, anh H, anh H, anh Đ và anh Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Danh bản (bút lục số 138a và số 182) và Chỉ bản (bút lục số 139 và số 183) của các bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an

quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự; đây là thiếu sót cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án sau này.

[1.3] Về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo M và bị cáo V khai nhận: vào hồi 23 giờ 55 phút ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo M có hành vi cất giấu 0,3811 gam ma túy trong túi vải màu nâu mặt gấu (có khóa kéo) để sử dụng và bán lại cho đối tượng nghiện ma túy hưởng lợi. Từ khoảng tháng 12 năm 2019 đến ngày 08 tháng 6 năm 2020, bị cáo M đã bán ma túy nhiều lần cho nhiều đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn huyện Bàu Bàng; bị cáo V đã giúp bị cáo M bán ma túy nhiều lần cho các đối tượng nghiện ma túy; số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng, các bị cáo đã tiêu xài hết.

Qua trưng cầu giám định chất ma túy xác định, mẫu tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo M, gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3811 gam, loại Methamphetamine.

Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên và đối với 02 người trở lên; riêng bị cáo M đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý (tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự; Cáo trạng truy tố bị cáo M theo điểm b, điểm c và điểm q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo V theo điểm b và điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn về ma túy và các tệ nạn xã hội khác, gây nhức nhối cho mỗi gia đình và toàn xã hội. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Trong vụ án này, bị cáo M đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (Methamphetamine), hay còn gọi là ma túy đá nhằm sử dụng và bán trái phép cho các đối tượng nghiện để thu lợi. Vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn: bị cáo M với vai trò chính, trực tiếp mua ma túy và phân nhỏ ra bán lại cho các đối tượng nghiện (anh Nh khoảng 10 lần, anh Th khoảng 10 lần, anh H khoảng 04 lần đến 05 lần, anh H khoảng 03 lần đến 04 lần, đối tượng tên Khánh khoảng 03 lần đến 04 lần và đối tượng tên Mạnh khoảng 05 lần đến 06 lần). Bị cáo V với vai trò giúp sức cho bị cáo M bán ma túy cho các đối tượng nghiện (anh H khoảng 02 lần, anh Th khoảng 04 lần, anh H khoảng 03 lần đến 04 lần và anh Nh khoảng 04 lần). Tổng số tiền các bị cáo có được từ việc bán ma túy là 6.000.000 đồng. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, ngang nhiên đưa ma túy vào đời sống xã hội, gây khó khăn cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta. Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội cũng như nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[5.1] Đối với bị cáo M:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên không thể hiện sự ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.2] Đối với bị cáo V:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật; mức hình phạt tù của bị cáo M cao hơn mức hình phạt tù bị cáo V.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[8.1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng là vật cấm tàng trữ là chất ma túy Methamphetamine (01 bì thư được niêm phong ghi số 345/PC09 có hình dấu đỏ

của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, bên trong chứa 0,3326 gam Methamphetamine).

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng biển số 61K1-111.91, số khung: JY184067, số máy: E3X9E-426114, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1203 màu đen bên trong gắn sim số 0789.704.704 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hồng bên trong gắn sim số 0933.567.197 của bị cáo M; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng xanh gắn sim số 0944.003.114 của bị cáo V.

[8.2] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị là 01 túi vải màu nâu mặt gấu (có khóa kéo) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm bình, ống hút, ống thủy tinh).

[8.3] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: buộc bị cáo M phải nộp 6.000.000 đồng tiền do thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T, anh H, anh Ngọc T, anh Nh, anh Th, anh H và anh H, Công an huyện Bàu Bàng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Các đối tượng tên Quân, Quẹo, Khánh và Mạnh, khi nào làm rõ nhân thân lại lịch cụ thể sẽ xử lý sau.

[11] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, điểm c và điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 2 Điều 53 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt tù bị cáo Phạm Tuấn M 09 (chín) năm, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ vào điểm b và điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Thúy V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt tù bị cáo Lâm Thị Thúy V 07 (bảy) năm, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2020.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư được niêm phong ghi số 345/PC09 có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, bên trong chứa 0,3326 gam Methamphetamine.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng biển số 61K1-111.91, số khung: JY184067, số máy: E3X9E-426114, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1203 màu đen bên trong gắn sim số 0789.704.704 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hồng bên trong gắn sim số 0933.567.197 của bị cáo Phạm Tuấn M; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng xanh gắn sim số 0944.003.114 của bị cáo Lâm Thị Thúy V.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu nâu mặt gấu (có khóa kéo) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm bình, ống hút, ống thủy tinh).

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: buộc bị cáo Phạm Tuấn M phải nộp 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên

